

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/DS-ST
Ngày: 22-8-2025
V/v: “Tranh chấp đòi tài sản
là quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Liêm và bà Đặng Thị Mỹ Hường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1114/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Công Minh N, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Số A, tổ F, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là số A, tổ F, khóm B, phường B, tỉnh An Giang).

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Bà Nguyễn Thúy Q, sinh năm 1984. (Có mặt)

Nơi ở hiện nay: Số A, đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là số A, đường L, phường L, tỉnh An Giang).

(Theo Giấy uỷ quyền ngày 26/8/2024 của Văn phòng C)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Đặng Bá D, sinh năm 1962,

2.2. Ông Đặng Bá H, sinh năm 1982. (Có mặt)

Cùng cư trú: Số E, đường C, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là số E, đường C, khóm B, phường Đ, tỉnh An Giang).

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Ông Đặng Bá H, sinh năm 1982, (Có mặt)

Cư trú: Số E, đường C, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là số E, đường C, khóm B, phường Đ, tỉnh An Giang).

(Theo Giấy ủy quyền ngày 30/10/2024 của Văn phòng C)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1987, (Có mặt)

3.2. Cháu Đặng Bá T1, sinh năm 2017,

3.3. Cháu Đặng Hoàng P, sinh năm 2022,

Người đại diện hợp pháp của cháu T1 và cháu P: Ông Đặng Bá H và bà Phạm Thị Thu T (Là cha mẹ các cháu).

Cùng cư trú: Số E, đường C, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là số E, đường C, khóm B, phường Đ, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thúy Q là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Công Minh N, trình bày:

Ngày 27/4/2018, ông Lê Công Minh N được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 294213, số vào sổ: CS10832, thửa 80, tờ bản đồ số 50, diện tích 72m² đất tọa lạc tại phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Nguồn gốc đất do ông N được tặng cho từ bà Lê Thị Đ là người được ủy quyền bởi bà Lê Công Thị Giang N1 theo Hợp đồng tặng cho được công chứng số 806, quyển 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/4/2018. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, do chưa có nhu cầu sử dụng nên ông N có cho ông Đặng Bá D và ông Đặng Bá H mượn để cất trại mua bán phế liệu và hứa khi nào ông N có nhu cầu sử dụng thì sẽ tự nguyện tháo dỡ, di dời trả lại mặt bằng cho ông N. Nay ông N có nhu cầu sử dụng đất nên đã thông báo cho ông Đặng Bá D và ông Đặng Bá H tháo dỡ, di dời trại mua bán phế liệu để trả lại phần diện tích đất nêu trên; ông Đặng Bá D và ông Đặng Bá H hứa cho thời gian để sắp xếp trả lại mặt bằng nhưng ông D và ông H nhiều lần chỉ hứa hẹn sẽ tháo dỡ, di dời mà không thực hiện việc trả lại mặt bằng. Như vậy, việc làm của ông D và ông H đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông N.

Sau khi được Tòa án công bố kết quả định giá ngày 25/3/2025 đối với tài sản tranh chấp có giá trị là 1.964.572.750đ thì ông N thống nhất.

Sau khi được Tòa án công bố Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh L lập ngày 01/02/2024 thì ông N thống nhất.

Nay ông Lê Công Minh N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đặng Bá D, ông Đặng Bá H, bà Phạm Thị Thu T, cháu Đặng Bá T1, cháu Đặng Hoàng P có trách nhiệm liên đới tháo dỡ, di dời vật kiến trúc có trên đất và tài sản cá nhân của ông D và ông H (nếu có) để trả lại cho ông N phần diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 294213, số vào sổ: CS10832, thửa 80, tờ bản đồ số 50,

diện tích 72m² đất tọa lạc tại phường B, thành phố L, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 27/04/2018, mang tên Lê Công Minh N. Cụ thể: căn nhà sắt tại các điểm 49, 21, 20, 50 có diện tích 24,1m²; mái che tại các điểm 16, 49, 50, 17 có diện tích 28,7m² (diện tích đo đạc thực tế theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đ1 lập ngày 30/12/2024).

Trường hợp ông Đặng Bá D, ông Đặng Bá H, bà Phạm Thị Thu T đồng ý di dời trả đất thì phía ông N sẽ hỗ trợ chi phí di dời với số tiền 130.000.000đ.

Trường hợp ông Đặng Bá H muốn nhận chuyển nhượng lại phần đất này thì ông N sẽ chuyển nhượng lại cho ông H với giá 2.400.000.000đ.

Bị đơn ông Đặng Bá H, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bị đơn Đặng Bá D, trình bày:

Phần diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 294213, sổ vào sổ: CS10832, thửa 80, tờ bản đồ số 50, diện tích 72m² đất tọa lạc tại phường B, thành phố L, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 27/04/2018, mang tên Lê Công Minh N có nguồn gốc do ông Đặng Bá D (cha ruột ông H) và bà N1 nhận chuyển nhượng từ ông Lê Minh Quốc T2 và bà Dư Ngọc Đan T3. Sau khi ông D và bà Lê Công Thị Giang N1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2018 ông D đã cất căn nhà sắt trên phần đất này để cho vợ chồng ông H ở giữ phé liệu. Đến ngày 23/11/2015 giữa ông D và bà N1 ký kết Hợp đồng chuyển nhượng 50% quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng Đặng Bá D với bên nhận chuyển nhượng Lê Công Thị Giang N1 với giá 80.000.000đ. Đến thời điểm hiện tại phía ông D chưa nhận số tiền 80.000.000đ đã chuyển nhượng đất từ bà N1. Ông D sẽ khởi kiện đòi bà N1 số tiền 80.000.000đ thành một vụ án khác. Trên căn nhà sắt này hiện do ông H, vợ ông H tên Phạm Thị Thu T và các con gồm Đặng Bá T1, Đặng Hoàng P đang sinh sống. Nay ông H không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông N. Nay ông H muốn nhận chuyển nhượng lại phần đất này với giá 1.000.000.000đ.

Sau khi được Toà án công bố kết quả định giá ngày 25/3/2025 đối với tài sản tranh chấp có giá trị là 1.964.572.750đ thì ông H thống nhất.

Sau khi được Toà án công bố Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh L lập ngày 01/02/2024 thì ông H thống nhất.

Tại phiên toà:

- Bà Nguyễn Thúy Q là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Lê Công Minh N, trình bày: Phía ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là buộc ông Đặng Bá D, ông Đặng Bá H, bà Phạm Thị Thu T, cháu Đặng Bá T1, cháu Đặng Hoàng P có trách nhiệm liên đới tháo dỡ, di dời vật kiến trúc có trên đất để trả lại cho ông N phần diện tích đất 52.8m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 294213, sổ vào sổ CS10832, thửa 80, tờ bản đồ số 50, diện tích 72m², đất tọa lạc tại phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường B, tỉnh An Giang) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 27/04/2018 cho ông Lê Công Minh N. Cụ thể: căn nhà sắt tại các điểm 49, 21, 20, 50 có diện tích 24,1m²; mái che tại các điểm 16, 49, 50, 17 có diện tích 28,7m² (diện tích đo đạc thực tế theo Bản trích đo

hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đ1 lập ngày 30/12/2024). Trường hợp ông D và ông H đồng ý di dời căn nhà sắt và mái che để trả đất cho ông N thì phía ông N sẽ hỗ trợ chi phí di dời cho ông D, ông H và bà T số tiền 150.000.000đ.

- Ông Đặng Bá H, trình bày: Ông D và gia đình ông H đồng ý tháo dỡ di dời căn nhà sắt và mái che để trả lại cho ông N phần diện tích đất 52.8m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 294213, số vào sổ CS10832, thửa 80, tờ bản đồ số 50, diện tích 72m², đất tọa lạc tại phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường B, tỉnh An Giang) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 27/04/2018 cho ông Lê Công Minh N. Ông H và ông D đồng ý nhận số tiền hỗ trợ chi phí di dời 150.000.000đ từ ông N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26, 235 Luật Đất đai năm 2024.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công Minh N yêu cầu Tòa án buộc ông Đặng Bá D, ông Đặng Bá H, bà Phạm Thị Thu T, cháu Đặng Bá T1, cháu Đặng Hoàng P có trách nhiệm liên đới tháo dỡ, di dời vật kiến trúc có trên đất và tài sản cá nhân của ông D và ông H (nếu có) để trả lại cho ông N phần diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 294213, số vào sổ: CS10832, thửa 80, tờ bản đồ số 50, diện tích 72m² đất tọa lạc tại phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường B, tỉnh An Giang) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 27/4/2018, mang tên Lê Công Minh N. Cụ thể: căn nhà sắt tại các điểm 49, 21, 20, 50 có diện tích 24, 1 m²; mái che tại các điểm 16, 49, 50, 17 có diện tích 28,7m² (diện tích đo đạc thực tế theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đ1 lập ngày 30/12/2024).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông N về hỗ trợ chi phí di dời, tìm chỗ ở khác với số tiền 150.000.000 đồng.

Về thời gian lưu cư, ông D, ông H, bà T, em T1, em P được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn ông Lê Công Minh N với bị đơn ông Đặng Bá D, ông Đặng Bá H là “Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường B) nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị Thu T.

[2.2] Vào ngày 25/7/2025, Tòa án nhận được đơn phản tố của ông Đặng Bá D đề ngày 24/7/2025 với nội dung: Do bà Lê Công Thị Giang N1 chưa thanh toán số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất 80.000.000đ cho ông Đặng Bá D nên ông D yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Yêu cầu tuyên huỷ bỏ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/11/2015 giữa bên chuyển nhượng Đặng Bá D với bên nhận chuyển nhượng Lê Công Thị Giang N1; Yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của việc huỷ bỏ hợp đồng là tuyên vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là bà Lê Thị Đ (người đại diện theo uỷ quyền của bà Lê Công Thị Giang N1) với bên được tặng cho là ông Lê Công Minh N; Đồng thời huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 294213, sổ vào sổ CS10832 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 27/04/2018, mang tên Lê Công Minh N. Hội đồng xét xử xét:

[2.2.1] Theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng đơn yêu cầu phản tố của ông D được gửi sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đơn phản tố của ông D trong vụ án này. Ông D có thể khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung nêu trên thành một vụ kiện khác.

[3] Về nội dung: Ông Lê Công Minh N khởi kiện yêu cầu ông Đặng Bá D, ông Đặng Bá H, bà Phạm Thị Thu T, cháu Đặng Bá T1, cháu Đặng Hoàng P có nghĩa vụ liên đới tháo dỡ, di dời căn nhà sắt tại các điểm 49, 21, 20, 50 có diện tích 24,1m²; mái che tại các điểm 16, 49, 50, 17 có diện tích 28,7m² (diện tích đo đạc thực tế theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đ1 lập ngày 30/12/2024) để trả lại cho ông N phần diện tích đất 52.8m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS10832 ngày 27/4/2018, thửa 80, tờ bản đồ số 50, diện tích 72m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho ông Lê Công Minh N. Trường hợp ông D, ông H và bà T đồng ý tháo dỡ, di dời căn nhà sắt và mái che để trả đất cho ông N thì phía ông N sẽ hỗ trợ chi phí di dời cho ông D, ông H và bà T

số tiền 150.000.000đ. Tại phiên toà, ông Đặng Bá H đồng ý tháo dỡ, di dời căn nhà sắt và mái che để trả lại cho ông N phần diện tích đất 52.8m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 294213, số vào sổ CS10832, thửa 80, tờ bản đồ số 50, diện tích 72m² đất tọa lạc tại phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường B, tỉnh An Giang) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 27/4/2018 cho ông Lê Công Minh N. Ông H đồng ý nhận số tiền hỗ trợ chi phí di dời 150.000.000đ từ ông N. Hội đồng xét xử xét:

[3.1] Phần đất diện tích 72m² thuộc thửa số 80, tờ bản đồ số 50 có nguồn gốc của ông Đặng Bá D (cha ruột ông H) và bà Lê Công Thị Giang N1 (chị ông N) nhận chuyển nhượng từ ông Lê Minh Quốc T2 và bà Dư Ngọc Đan T3 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/3/2008, có chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh An Giang); sau khi ông D và bà N1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông D đã chuyển nhượng 50% quyền sử dụng đất cho bà N1 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/11/2015 do Văn phòng C1 chứng nhận ngày 23/11/2015; sau khi bà N1 được cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà N1 ủy quyền cho bà Lê Thị Đ (mẹ của bà N1) ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông N theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 11/4/2018 do Văn phòng C1 chứng nhận ngày 11/4/2018; đến ngày 27/04/2018, ông N được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 294213, số vào sổ CS10832. Do đó, căn cứ vào Điều 26 và Điều 134 Luật đất đai năm 2024 thì ông N là chủ sở hữu hợp pháp đối với phần đất diện tích 72m² thuộc thửa số 80, tờ bản đồ số 50.

[3.2] Tại Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đ1 lập ngày 30/12/2024 thể hiện: mái che có diện tích 28.7m² tại các điểm 16, 49, 50, 17 và căn nhà sắt có diện tích 24.1m² tại các điểm 49, 21, 20, 50 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS10832 ngày 27/4/2018 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho ông Lê Công Minh N. Tại Biên bản đo đạc và ghi nhận hiện trạng đất, nhà ở và các vật kiến trúc có trên khu đất tranh chấp ngày 25/12/2024 thì căn nhà sắt có cấu trúc: nền gạch men, khung sắt tiền chế, vách gạch + tole, mái tole; mái che có cấu trúc: nền láng xi măng, khung gỗ cột tre, mái lá; trong căn nhà sắt hiện do ông Đặng Bá H, bà Phạm Thị Thu T, em Đặng Bá T1, em Đặng Hoàng P đang sinh sống.

[3.3] Xét thấy, việc ông D, ông H, bà T xây dựng mái che, nhà sắt trên phần diện tích đất đã được cấp quyền sử dụng đất hợp pháp cho ông N là xâm phạm quyền sử dụng đất của ông N. Do đó, ông N có quyền đòi lại phần đất diện tích 52.8m² thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông Đặng Bá D và Đặng Bá H cùng những người đang sinh sống trên đất gồm bà Phạm Thị Thu T, cháu Đặng Bá T1, cháu Đặng Hoàng P được quyền lưu cư trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[3.4] Tại phiên toà, ông H đồng ý tháo dỡ, di dời căn nhà sắt, mái che để trả lại cho ông N phần diện tích đất 52.8m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 294213, số vào sổ CS10832, thửa 80, tờ bản đồ số 50 và ông N đồng ý hỗ trợ chi phí di dời cho ông D, ông H, bà T với số tiền 150.000.000đ. Thấy rằng, việc ông N đồng ý hỗ trợ chi phí di dời cho ông D, ông H, bà T số tiền 150.000.000đ là tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bà Phạm Thị Thu T đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công Minh N, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; không tham dự phiên tòa và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về chi phí tố tụng: Ông Lê Công Minh N tự nguyện chịu chi phí tố tụng với số tiền 10.600.000đ (trong đó chi phí đo đạc là 3.900.000đ, chi phí thẩm định giá là 5.500.000đ và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.200.000đ). Ông N đã thực hiện xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Ông Đặng Bá D, ông Đặng Bá H và Phạm Thị Thu T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[5.2] Ông Lê Công Minh N được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001661 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều:

- Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26, Điều 134, Điều 235 và Điều 236 Luật đất đai năm 2024;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công Minh N đối với ông Đặng Bá D và Đặng Bá H.

Buộc ông Đặng Bá D và Đặng Bá H cùng những người đang sinh sống trên đất gồm bà Phạm Thị Thu T, cháu Đặng Bá T1, cháu Đặng Hoàng P có nghĩa vụ liên đới tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà sắt có diện tích 24,1m² (có cấu trúc: nền gạch men, khung sắt tiền chế, vách gạch + tole, mái tole) tại các điểm 49, 21, 20, 50 và mái che có diện tích 28,7m² (có cấu trúc: nền lán xi măng, khung gỗ cột tre, mái lá) tại các điểm 16, 49, 50, 17 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đ1 lập ngày 30/12/2024.

Đề trả lại cho ông Lê Công Minh N phần đất diện tích 52.8m² tọa lạc tại phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường B, tỉnh An Giang) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 294213, số vào sổ CS10832, thửa đất số 80, tờ bản đồ số 50, diện tích 72m² do Sở T cấp ngày 27/4/2018 cho ông Lê Công Minh N.

Ông Đặng Bá D và Đặng Bá H cùng những người đang sinh sống trên đất gồm bà Phạm Thị Thu T, cháu Đặng Bá T1, cháu Đặng Hoàng P được quyền lưu cư trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

(Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đ1 lập ngày 30/12/2024 là một phần không thể tách rời của bản án).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Công Minh N về việc đồng ý hỗ trợ chi phí di dời nhà và mái che cho ông Đặng Bá D, ông Đặng Bá H và bà Phạm Thị Thu T số tiền 150.000.000đ.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Công Minh N tự nguyện chịu chi phí tố tụng với số tiền là 10.600.000đ (trong đó chi phí đo đạc là 3.900.000đ, chi phí thẩm định giá là 5.500.000đ và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.200.000đ). Ông N đã thực hiện xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Bá D, ông Đặng Bá H và bà Phạm Thị Thu T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Công Minh N được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001661 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh A).

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 9 - An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Lan